

BẢNG PHÂN TÍCH NHU CẦU TÀI CHÍNH

A-Thông tin chung

1. Thông tin cá nhân

Họ tên Bên mua bảo hiểm:

Ngày sinh:

Giới tính: ☒ Nam ☐ Nữ

Tình trạng hôn nhân: ☐ Độc thân ☒ Đã kết hôn

Nghề nghiệp:

2. Khả năng tài chính

Thu nhập Bên mua bảo hiểm theo tháng:

Thu nhập Bên mua bảo hiểm theo năm:

Thu nhập cả gia đình theo tháng:

Thu nhập cả gia đình theo năm:

Số tiền dành cho BHNT trên thu nhập cả gia đình theo năm:

Thời gian dự định đóng phí BHNT:

B-Nhu cầu của quý khách và kế hoạch tài chính

Nhu cầu trọng tâm		Nhu cầu Quý khách quan tâm	Số tiền cần thiết ước tính (A) VNĐ	Khoản tiết kiệm/ Đầu tư/ hợp đồng bảo hiểm hiện có cho nhu cầu này (B) VNĐ	Khoản chênh lệch tối thiểu cần bảo hiểm (C=A-B) VNĐ
Bảo vệ tài chính	Rủi ro tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn	☐			
	Rủi ro tai nạn	☐			
	Rủi ro bệnh hiểm nghèo	☐			
Tiết kiệm/Tích lũy tài chính	Kế hoạch học vấn của con	☒	1.000.000.000	0	1.000.000.000
	Kế hoạch cho tuổi hưu an nhàn	☐			
	Kế hoạch tích lũy tài chính cho nhu cầu chi tiêu ngắn hạn	☐			
Đầu tư	Đầu tư an toàn với lãi suất đảm bảo	☒	1.000.000.000	0	1.000.000.000
	Đầu tư linh hoạt với lợi nhuận/rủi ro không đảm bảo	☐			

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
PRU-AN TÂM TRỌN ĐỜI

Nhu cầu gia tăng thêm bảo vệ cho bản thân và gia đình				
Chăm sóc sức khỏe	☒	10	0	10
Bệnh hiểm nghèo	☒	10	0	10
Tử vong, tai nạn, thương tật	☒	10	0	10

C-Gợi ý sản phẩm

Tên sản phẩm chính	Lý do đề xuất
VLR5-PRU-An Tâm Trọn Đời	Khách hàng có nhu cầu: IDK

D-Xác nhận của khách hàng

☒ Tôi xác nhận:

- Tư vấn viên đã thực hiện phân tích nhu cầu tài chính cho tôi.

- Tôi đã đọc và hoàn toàn hiểu rõ toàn bộ Bảng phân tích nhu cầu tài chính này.

- Tôi xác nhận những thông tin được cung cấp trên đây là chính xác, đầy đủ và tôi hiểu rằng việc cung cấp các thông tin không chính xác và đầy đủ sẽ ảnh hưởng đến kết quả của việc phân tích nhu cầu tài chính.

- Tôi quyết định lựa chọn sản phẩm phù hợp với nhu cầu tài chính của tôi theo như gợi ý của Tư vấn viên. Các thông tin tài chính được cung cấp tại tài liệu này sẽ là cơ sở để tôi chọn lựa gói sản phẩm và số tiền bảo hiểm như được thể hiện chi tiết tại Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm liên quan.

Khách hàng ký tên	Tư vấn viên ký tên
Chữ ký: _____ Họ và tên: Bố	Chữ ký: _____ Họ và tên: NBUW TEST AGENCY Mã số: 88888887

*Lưu ý: Bảng phân tích này chỉ nhằm mục đích tìm hiểu nhu cầu và khả năng tài chính của Khách hàng khi tham gia bảo hiểm nhân thọ thông qua các sản phẩm bảo hiểm của Prudential Việt Nam. Số tiền được thể hiện qua phân tích này chỉ mang tính tương đối, không phản ánh chính xác số tiền thực tế cần phải có trong tương lai. Quý khách nên thường xuyên xem lại phần phân tích này với chuyên viên Tư vấn tài chính của Prudential Việt Nam, đặc biệt là khi có sự thay đổi về nhu cầu hoặc điều kiện kinh tế khác.

PRU - AN TÂM TRỌN ĐỜI

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam; Giấy phép: 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp; Vốn điều lệ: 4.949,7 tỷ đồng; Trụ sở chính: Tầng 25, TTTM Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TPHCM; Điện thoại: (028) 39100999; Hotline: 1800 1 247; Fax: (028) 39100899; Website: http://www.prudential.com.vn	THÔNG TIN TƯ VẤN VIÊN Họ và tên: NBUW TEST AGENCY Mã số: 88888887 Điện thoại: 0999999999 Địa chỉ liên hệ:
---	--

Không có gì quý giá và thiêng liêng hơn gia đình – nơi ta tìm về sau mỗi ngày bộn bề với công việc để đắm mình trong hạnh phúc và yên bình. Cuộc sống bình yên bên người thân là mong ước chung của mọi người.

Thấu hiểu mong ước ấy, Prudential giới thiệu **PRU-AN TÂM TRỌN ĐỜI**, không chỉ bảo vệ tài chính của gia đình trước những rủi ro, mà còn là giải pháp quản lý tài chính hiệu quả giúp khách hàng linh hoạt thực hiện những mục tiêu khác nhau trong từng giai đoạn cuộc sống.

Đảm bảo an toàn tài chính cho gia đình bạn từ 100% số tiền bảo hiểm trước rủi ro tử vong/ thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Giải pháp tiết kiệm an toàn, hiệu quả với lãi suất đảm bảo và các khoản thưởng hấp dẫn cho khách hàng thường xuyên	Giúp bạn linh hoạt lập kế hoạch tiết kiệm và đóng phí
- Chi trả từ 100% số tiền bảo hiểm khi người được bảo hiểm tử vong hoặc thương tật toàn bộ và vĩnh viễn. Trường hợp rủi ro tử vong do tai nạn, chi trả thêm 100% số tiền bảo hiểm. - Nhận trước khoản tạm ứng không tính lãi lên đến 50% Giá trị tài khoản hợp đồng nếu mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối.	- An tâm với lãi suất đảm bảo suốt thời hạn hợp đồng. - Hưởng lãi suất đầu tư từ Quỹ Liên kết chung. - Hưởng quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng từ năm hợp đồng thứ 10 và mỗi 3 năm sau đó.	- Chủ động điều chỉnh hạn mức bảo vệ và linh hoạt đóng phí theo nhu cầu. - Tích lũy thêm để hưởng lãi và rút tiền thực hiện nhiều mục tiêu.

PRU-AN TÂM TRỌN ĐỜI - *Tích lũy hôm nay, vững chắc mai sau*

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Nghề nghiệp	Tăng phí	Lý do tăng phí	CMND/Hộ chiếu/ Khai sinh số
Bên mua bảo hiểm:	Bố	Nam	35				
Người được bảo hiểm chính (NĐBH chính):	Bố	Nam	35	Ăn uống - đầu bếp trưởng	Không		
Người được bảo hiểm bổ sung 1 (NĐBHBS 1):	Mẹ	Nữ	30	Ăn uống - đầu bếp trưởng	Không		
Người được bảo hiểm bổ sung 2 (NĐBHBS 2):	Con trai	Nam	0	Trẻ em	Không		
Địa chỉ liên hệ:							



Bên mua bảo hiểm: **Bố**
Người được bảo hiểm chính: **Bố**

Minh họa số:
Tư vấn viên:

2739032/510686723
NBUW TEST AGENCY

Phiên bản:
Ngày:

PruQuote v4.3 -VLR5
19/04/2022 15:48:43

THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM			Người được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng (năm)	Thời hạn đóng phí dự kiến (năm)	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm (năm)
Sản phẩm chính							
PRU-AN TÂM TRỌN ĐỜI			Bố	65	18 ^(*)	1.000.000.000	20.000.000
Sản phẩm bổ trợ							
1	CIR3	Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo từ giai đoạn đầu (a)	Bố	20	20	200.000.000	1.518.000
2	OPW7	Bảo hiểm miễn đóng phí bệnh hiểm nghèo (a)		30	30		1.716.800
3	HSR4	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe (a)	Mẹ	30	30	400.000	840.000
4	ADD2	Bảo hiểm chết và tàn tật do tai nạn mở rộng (a)		30	30	200.000.000	700.000
5	OPW8	Bảo hiểm miễn đóng phí		30	30		700.700
6	TLR3	Bảo hiểm nhân thọ có kỳ hạn (dành cho trẻ em)	Con trai	30	30	200.000.000	874.000
Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ trợ							26.349.500
Khoản tích lũy thêm đầu tiên							20.000.000

	Năm	Nửa năm	Quý
Phí bảo hiểm định kỳ của sản phẩm chính:	20.000.000	10.000.000	5.000.000
Tổng phí bảo hiểm định kỳ:	26.349.500	13.343.900	6.745.400
Tổng phí bảo hiểm định kỳ dự kiến:	46.349.500	23.343.900	11.745.400
Phương thức đóng phí bảo hiểm: Tiền mặt			

Ghi chú:
(*) Thời hạn đóng phí của sản phẩm chính bằng Thời hạn hợp đồng. Tuy nhiên, khách hàng có thể đóng phí linh hoạt theo nhu cầu tiết kiệm và bảo vệ kể từ Năm hợp đồng thứ 6. Việc giảm / tạm ngưng đóng phí trong thời gian dài có thể làm sản phẩm chính và/ hoặc(các) sản phẩm bổ trợ, nếu có, mất hiệu lực nếu Giá trị tài khoản hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 0.
(a) Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm này có thể thay đổi trong suốt Thời hạn đóng phí theo sự chấp thuận của Bộ Tài chính.
(b) Đây là Số tiền bảo hiểm chi trả cho Quyền lợi Trợ cấp viện phí cho mỗi Ngày nằm viện.

2. GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ VÀ CÁC CHI PHÍ LIÊN QUAN

- Phí bảo hiểm cơ bản:** khoản phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính được Bên mua bảo hiểm chọn đóng tại thời điểm tham gia Hợp đồng bảo hiểm theo quy định của Prudential. Phí bảo hiểm cơ bản sẽ được đầu tư vào Quỹ liên kết chung, sau khi trừ Chi phí ban đầu.
- Phí bảo hiểm tích lũy thêm (Khoản tích lũy thêm):** khoản tiền Bên mua bảo hiểm đóng thêm vào Hợp đồng bảo hiểm sau khi đã đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản đến hết Năm hợp đồng hiện tại và phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ theo định kỳ (nếu có). Khoản tích lũy thêm sẽ được đầu tư vào Quỹ liên kết chung, sau khi trừ Chi phí ban đầu.
- Phí bảo hiểm định kỳ:** gồm Phí bảo hiểm cơ bản và phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ (nếu có) theo định kỳ.
- Phí bảo hiểm định kỳ dự kiến:** gồm Phí bảo hiểm định kỳ và Khoản tích lũy thêm (nếu có) theo định kỳ.
- Giá trị tài khoản cơ bản:** số tiền được tích lũy từ khoản Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ sau khi trừ các chi phí liên quan (nếu có).
- Giá trị tài khoản tích lũy thêm:** số tiền được tích lũy từ Khoản tích lũy thêm được phân bổ sau khi trừ các chi phí liên quan (nếu có).
- Giá trị tài khoản hợp đồng:** tổng của Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản tích lũy thêm và được tính lãi hàng tháng theo mức lãi suất đầu tư do Prudential công bố tại từng thời điểm.
- Chi phí ban đầu:** khoản chi phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Khoản tích lũy thêm (nếu có) trước khi các khoản phí này được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản tích lũy thêm tương ứng như quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6+
% của Phí bảo hiểm cơ bản	65%	35%	15%	10%	5%	2%
% của Khoản tích lũy thêm	2%	2%	2%	2%	2%	2%

- Chi phí bảo hiểm rủi ro:** khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng để chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết trong Hợp đồng bảo hiểm. Chi phí bảo hiểm rủi ro được khấu trừ theo thứ tự từ Giá trị tài khoản tích lũy thêm (nếu có) trước, sau đó đến Giá trị tài khoản cơ bản.
- Chi phí quản lý hợp đồng:** khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng để chi trả cho việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm. Chi phí quản lý hợp đồng hiện tại là 40.000 đồng/tháng và có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài Chính chấp thuận. Chi phí quản lý hợp đồng được khấu trừ theo thứ tự từ Giá trị tài khoản tích lũy thêm (nếu có) trước, sau đó đến Giá trị tài khoản cơ bản.
- Chi phí quản lý quỹ:** khoản chi phí được khấu trừ trước khi công bố lãi suất đầu tư để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ Liên kết chung. Chi phí quản lý quỹ hiện tại là 2%/năm và có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài Chính chấp thuận nhưng sẽ không vượt quá 2,5%/năm.
- Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng:** khoản chi phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng như quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6+
% của số tiền rút từ Giá trị tài khoản cơ bản	không áp dụng		3%	3%	3%	0%
% của số tiền rút từ Giá trị tài khoản tích lũy thêm	5%	5%	3%	3%	3%	0%

- Chi phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn:** khoản chi phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn như quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10+
% Phí bảo hiểm cơ bản của 1 năm	100%	100%	100%	90%	80%	70%	60%	40%	20%	0%
% của Giá trị tài khoản tích lũy thêm	5%	5%	3%	3%	3%	0%	0%	0%	0%	0%

- Các khoản chi phí nêu trên có thể thay đổi. Mọi thay đổi về chi phí, nếu có, sẽ được Prudential thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm ít nhất 3 tháng trước thời điểm chính thức thay đổi.

3.MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Năm hợp đồng	Tuổi NĐBH chính	Phí bảo hiểm cơ bản	Khoản tích lũy thêm	Chi phí ban đầu	Phí bảo hiểm được phân bổ
1	35	20.000	20.000	13.400	26.600
2	36	20.000	20.000	7.400	32.600
3	37	20.000	20.000	3.400	36.600
4	38	20.000	20.000	2.400	37.600
5	39	20.000	20.000	1.400	38.600
6	40	20.000	-	400	19.600
7	41	20.000	-	400	19.600
8	42	20.000	-	400	19.600
9	43	20.000	-	400	19.600
10	44	20.000	-	400	19.600
11	45	20.000	-	400	19.600
12	46	20.000	-	400	19.600
13	47	20.000	-	400	19.600
14	48	20.000	-	400	19.600
15	49	20.000	-	400	19.600
16	50	20.000	-	400	19.600
17	51	20.000	-	400	19.600
18	52	20.000	-	400	19.600
19	53	-	-	-	-
20	54	-	-	-	-
21	55	-	-	-	-
22	56	-	-	-	-
23	57	-	-	-	-
24	58	-	-	-	-
25	59	-	-	-	-
26	60	-	-	-	-
27	61	-	-	-	-
28	62	-	-	-	-
29	63	-	-	-	-
30	64	-	-	-	-

Năm hợp đồng	Tuổi NĐBH chính	Phí bảo hiểm cơ bản	Khoản tích lũy thêm	Chi phí ban đầu	Phí bảo hiểm được phân bổ
31	65	-	-	-	-
32	66	-	-	-	-
33	67	-	-	-	-
34	68	-	-	-	-
35	69	-	-	-	-
36	70	-	-	-	-
37	71	-	-	-	-
38	72	-	-	-	-
39	73	-	-	-	-
40	74	-	-	-	-
43	77	-	-	-	-
46	80	-	-	-	-
49	83	-	-	-	-
52	86	-	-	-	-
55	89	-	-	-	-
58	92	-	-	-	-
61	95	-	-	-	-
64	98	-	-	-	-
65	99	-	-	-	-
Tổng/Cộng dồn		360.000	100.000	33.200	426.800

4. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NDBH chính	GIÁ TRỊ ĐẢM BẢO							Thưởng duy trì hợp đồng (3)	Rút tiền(4)
		Dựa trên lãi suất cam kết(1)								
		Chi phí bảo hiểm rủi ro	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản tích lũy thêm (2)	Giá trị tài khoản hợp đồng (GTTKHD) (5)	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV	Quyền lợi TV do tai nạn		
1	35	3.573	7.315	16.331	23.646	15.514	1.016.331	2.016.331	-	-
2	36	3.716	20.925	32.745	53.670	32.032	1.032.745	2.032.745	-	-
3	37	3.860	39.062	49.506	88.568	67.083	1.049.506	2.049.506	-	-
4	38	4.019	58.774	66.607	125.381	105.383	1.066.607	2.066.607	-	-
5	39	4.201	80.107	84.036	164.143	145.622	1.084.036	2.084.036	-	-
6	40	4.394	102.699	81.604	184.302	170.302	1.081.604	2.081.604	-	-
7	41	4.588	125.967	78.902	204.869	192.869	1.078.902	2.078.902	-	-
8	42	4.791	149.935	75.913	225.847	217.847	1.075.913	2.075.913	-	-
9	43	4.998	174.621	72.623	247.244	243.244	1.072.623	2.072.623	-	-
10	44	5.207	200.047	99.023	299.070	299.070	1.099.023	2.099.023	30.000	-
11	45	5.379	225.138	95.561	320.699	320.699	1.095.561	2.095.561	-	-
12	46	5.545	250.857	91.844	342.700	342.700	1.091.844	2.091.844	-	-
13	47	5.701	277.218	107.875	385.093	385.093	1.107.875	2.107.875	20.000	-
14	48	5.851	304.239	104.156	408.394	408.394	1.104.156	2.104.156	-	-
15	49	5.999	331.935	100.193	432.128	432.128	1.100.193	2.100.193	-	-
16	50	6.171	353.292	104.025	457.317	457.317	1.104.025	2.104.025	10.000	-
17	51	6.402	374.757	97.644	472.401	472.401	1.097.644	2.097.644	-	-
18	52	6.648	396.329	65.985	462.314	462.314	1.065.985	2.065.985	-	25.000
19	53	7.096	398.310	33.719	432.029	432.029	1.033.719	2.033.719	-	25.000
20	54	7.605	400.302	781	401.083	401.083	1.000.781	2.000.781	-	25.000
21	55	8.251	369.333	-	369.333	369.333	975.000	1.950.000	-	25.000
22	56	8.939	361.735	-	361.735	361.735	975.000	1.950.000	-	-
23	57	9.679	153.358	-	153.358	153.358	775.000	1.550.000	-	200.000
24	58	10.491	143.124	-	143.124	143.124	775.000	1.550.000	-	-
25	59	11.405	131.923	-	131.923	131.923	775.000	1.550.000	-	-
26	60	12.433	119.635	-	119.635	119.635	775.000	1.550.000	-	-
27	61	13.619	106.096	-	106.096	106.096	775.000	1.550.000	-	-
28	62	14.991	91.113	-	91.113	91.113	775.000	1.550.000	-	-
29	63	16.569	74.474	-	74.474	74.474	775.000	1.550.000	-	-
30	64	18.367	55.949	-	55.949	55.949	775.000	1.550.000	-	-

4. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NDBH chính	GIÁ TRỊ ĐẢM BẢO							Thuởng duy trì hợp đồng ⁽³⁾	Rút tiền ⁽⁴⁾
		Dựa trên lãi suất cam kết ⁽¹⁾								
		Chi phí bảo hiểm rủi ro	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản tích lũy thêm ⁽²⁾	Giá trị tài khoản hợp đồng (GTTKHD) ⁽⁵⁾	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV	Quyền lợi TV do tai nạn		
31	65	20.382	35.311	-	35.311	35.311	775.000	1.550.000	-	-
32	66	21.842	13.105	-	13.105	13.105	775.000	775.000	-	-
33	67	-	-	-	(*)	-	-	-	-	-
Tổng/Cộng dồn		272.709			-	-			60.000	300.000

(*) Giá trị tài khoản hợp đồng (minh họa ở mức lãi suất cam kết) sau khi trừ đi chi phí quản lý hợp đồng và các chi phí khác, nếu có, nhỏ hơn hoặc bằng 0.

4. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NDBH chính	GIÁ TRỊ MINH HỌA							Thưởng duy trì hợp đồng ⁽³⁾	Rút tiền ⁽⁴⁾
		Mức lãi suất minh họa 5,0%/năm (Trung bình) ⁽¹⁾								
		Chi phí bảo hiểm rủi ro	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản tích lũy thêm ⁽²⁾	Giá trị tài khoản hợp đồng (GTTKHD)	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV	Quyền lợi TV do tai nạn		
1	35	3.573	7.350	16.418	23.768	15.597	1.016.418	2.016.418	-	-
2	36	3.715	21.368	33.511	54.879	33.203	1.033.511	2.033.511	-	-
3	37	3.857	40.286	51.313	91.598	70.059	1.051.313	2.051.313	-	-
4	38	4.014	61.200	69.844	131.044	110.949	1.069.844	2.069.844	-	-
5	39	4.190	84.210	89.120	173.330	154.657	1.089.120	2.089.120	-	-
6	40	4.375	109.001	88.591	197.591	183.591	1.088.591	2.088.591	-	-
7	41	4.558	135.031	87.847	222.878	210.878	1.087.847	2.087.847	-	-
8	42	4.744	162.362	86.875	249.237	241.237	1.086.875	2.086.875	-	-
9	43	4.929	191.060	85.664	276.724	272.724	1.085.664	2.085.664	-	-
10	44	5.110	221.193	114.207	335.400	335.400	1.114.207	2.114.207	30.000	-
11	45	5.243	252.833	114.040	366.873	366.873	1.114.040	2.114.040	-	-
12	46	5.357	286.055	113.748	399.802	399.802	1.113.748	2.113.748	-	-
13	47	5.448	320.937	133.347	454.285	454.285	1.133.347	2.133.347	20.000	-
14	48	5.518	357.564	133.855	491.419	491.419	1.133.855	2.133.855	-	-
15	49	5.566	396.023	134.338	530.360	530.360	1.134.338	2.134.338	-	-
16	50	5.591	436.404	144.820	581.223	581.223	1.144.820	2.144.820	10.000	-
17	51	5.604	478.804	145.812	624.616	624.616	1.145.812	2.145.812	-	-
18	52	5.580	523.324	121.879	645.203	645.203	1.121.879	2.121.879	-	25.000
19	53	5.698	549.490	96.627	646.117	646.117	1.096.627	2.096.627	-	25.000
20	54	5.813	576.965	69.995	646.960	646.960	1.069.995	2.069.995	-	25.000
21	55	5.934	605.813	41.908	647.721	647.721	1.041.908	2.041.908	-	25.000
22	56	5.955	636.104	37.394	673.497	673.497	1.037.394	2.037.394	-	-
23	57	5.910	500.608	-	500.608	500.608	832.700	1.665.399	-	200.000
24	58	5.901	519.085	-	519.085	519.085	832.700	1.665.399	-	-
25	59	5.975	538.410	-	538.410	538.410	832.700	1.665.399	-	-
26	60	6.020	558.655	-	558.655	558.655	832.700	1.665.399	-	-
27	61	6.038	579.893	-	579.893	579.893	832.700	1.665.399	-	-
28	62	6.019	602.212	-	602.212	602.212	832.700	1.665.399	-	-
29	63	5.943	625.725	-	625.725	625.725	832.700	1.665.399	-	-
30	64	5.788	650.572	-	650.572	650.572	832.700	1.665.399	-	-

4. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NDBH chính	GIÁ TRỊ MINH HỌA							Thưởng duy trì hợp đồng ⁽³⁾	Rút tiền ⁽⁴⁾
		Mức lãi suất minh họa 5,0%/năm (Trung bình) ⁽¹⁾								
		Chi phí bảo hiểm rủi ro	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản tích lũy thêm ⁽²⁾	Giá trị tài khoản hợp đồng (GTTKHD)	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV	Quyền lợi TV do tai nạn		
31	65	5.521	676.936	-	676.936	676.936	832.700	1.665.399	-	-
32	66	4.155	706.020	-	706.020	706.020	832.700	832.700	-	-
33	67	3.580	737.147	-	737.147	737.147	832.700	832.700	-	-
34	68	2.787	770.645	-	770.645	770.645	832.700	832.700	-	-
35	69	1.728	806.905	-	806.905	806.905	832.700	832.700	-	-
36	70	402	846.339	-	846.339	846.339	846.339	846.339	-	-
37	71	-	888.163	-	888.163	888.163	888.163	888.163	-	-
38	72	-	932.078	-	932.078	932.078	932.078	932.078	-	-
39	73	-	978.189	-	978.189	978.189	978.189	978.189	-	-
40	74	-	1.026.606	-	1.026.606	1.026.606	1.026.606	1.026.606	-	-
43	77	-	1.186.871	-	1.186.871	1.186.871	1.186.871	1.186.871	-	-
46	80	-	1.372.398	-	1.372.398	1.372.398	1.372.398	1.372.398	-	-
49	83	-	1.587.168	-	1.587.168	1.587.168	1.587.168	1.587.168	-	-
52	86	-	1.835.791	-	1.835.791	1.835.791	1.835.791	1.835.791	-	-
55	89	-	2.123.604	-	2.123.604	2.123.604	2.123.604	2.123.604	-	-
58	92	-	2.456.783	-	2.456.783	2.456.783	2.456.783	2.456.783	-	-
61	95	-	2.842.480	-	2.842.480	2.842.480	2.842.480	2.842.480	-	-
64	98	-	3.288.972	-	3.288.972	3.288.972	3.288.972	3.288.972	-	-
65	99	-	3.452.927	-	3.452.927	3.452.927	3.452.927	3.452.927	-	-
Tổng/Cộng dồn		176.134			3.452.927	3.452.927			60.000	300.000

4. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NĐBH chính	GIÁ TRỊ MINH HỌA							Thưởng đặc biệt và thưởng duy trì hợp đồng ⁽³⁾	Rút tiền ⁽⁴⁾
		Mức lãi suất minh họa 6,5%/năm (Cao) ⁽¹⁾								
		Chi phí bảo hiểm rủi ro	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản tích lũy thêm ⁽²⁾	Giá trị tài khoản hợp đồng (GTTKHD)	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV	Quyền lợi TV do tai nạn		
1	35	3.573	7.455	16.680	24.135	15.846	1.016.680	2.016.680	-	
2	36	3.715	21.785	34.297	56.082	34.367	1.034.297	2.034.297	-	
3	37	3.855	41.306	52.914	94.220	72.632	1.052.914	2.052.914	-	
4	38	4.009	63.160	72.582	135.742	115.565	1.072.582	2.072.582	-	
5	39	4.181	87.501	93.350	180.851	162.050	1.093.350	2.093.350	-	
6	40	4.359	114.062	94.409	208.471	194.471	1.094.409	2.094.409	-	
7	41	4.533	142.351	95.358	237.708	225.708	1.095.358	2.095.358	-	
8	42	4.705	172.477	96.189	268.667	260.667	1.096.189	2.096.189	-	
9	43	4.873	204.562	96.902	301.464	297.464	1.096.902	2.096.902	-	
10	44	5.029	238.733	127.498	366.231	366.231	1.127.498	2.127.498	30.000	
11	45	5.132	275.125	129.977	405.102	405.102	1.129.977	2.129.977	-	
12	46	5.207	313.882	132.539	446.421	446.421	1.132.539	2.132.539	-	
13	47	5.249	355.158	155.224	510.382	510.382	1.155.224	2.155.224	20.000	
14	48	5.258	399.117	159.374	558.491	558.491	1.159.374	2.159.374	-	
15	49	5.229	445.934	163.824	609.757	609.757	1.163.824	2.163.824	-	
16	50	5.159	495.793	178.635	674.429	674.429	1.178.635	2.178.635	10.000	
17	51	5.051	548.894	184.521	733.415	733.415	1.184.521	2.184.521	-	
18	52	4.875	605.446	165.971	771.417	771.417	1.165.971	2.165.971	-	25.000
19	53	4.806	644.800	146.286	791.087	791.087	1.146.286	2.146.286	-	25.000
20	54	4.692	686.712	125.441	812.153	812.153	1.125.441	2.125.441	-	25.000
21	55	4.524	731.348	103.412	834.761	834.761	1.103.412	2.078.412	-	25.000
22	56	4.215	778.886	105.272	884.158	884.158	1.105.272	2.080.272	-	
23	57	3.780	737.216	-	737.216	737.216	907.702	1.682.702	-	200.000
24	58	3.275	781.246	-	781.246	781.246	907.702	1.682.702	-	
25	59	2.707	828.725	-	828.725	828.725	907.702	1.682.702	-	
26	60	1.974	880.047	-	880.047	880.047	907.702	1.682.702	-	
27	61	1.147	935.563	-	935.563	935.563	935.563	1.710.563	-	
28	62	990	994.854	-	994.854	994.854	994.854	1.769.854	-	
29	63	990	1.057.998	-	1.057.998	1.057.998	1.057.998	1.832.998	-	
30	64	990	1.125.247	-	1.125.247	1.125.247	1.125.247	1.900.247	-	

4. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi NDBH chính	GIÁ TRỊ MINH HỌA							Thưởng đặc biệt và thưởng duy trì hợp đồng ⁽³⁾	Rút tiền ⁽⁴⁾
		Mức lãi suất minh họa 6,5%/năm (Cao) ⁽¹⁾								
		Chi phí bảo hiểm rủi ro	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản tích lũy thêm ⁽²⁾	Giá trị tài khoản hợp đồng (GTTKHD)	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi TV/TTTB&VV	Quyền lợi TV do tai nạn		
31	65	990	1.196.866	-	1.196.866	1.196.866	1.196.866	1.971.866	-	
32	66	-	1.274.166	-	1.274.166	1.274.166	1.274.166	1.274.166	-	
33	67	-	1.356.490	-	1.356.490	1.356.490	1.356.490	1.356.490	-	
34	68	-	1.444.165	-	1.444.165	1.444.165	1.444.165	1.444.165	-	
35	69	-	1.537.539	-	1.537.539	1.537.539	1.537.539	1.537.539	-	
36	70	-	1.636.982	-	1.636.982	1.636.982	1.636.982	1.636.982	-	
37	71	-	1.742.890	-	1.742.890	1.742.890	1.742.890	1.742.890	-	
38	72	-	1.855.681	-	1.855.681	1.855.681	1.855.681	1.855.681	-	
39	73	-	1.975.803	-	1.975.803	1.975.803	1.975.803	1.975.803	-	
40	74	-	2.103.734	-	2.103.734	2.103.734	2.103.734	2.103.734	-	
43	77	-	2.539.615	-	2.539.615	2.539.615	2.539.615	2.539.615	-	
46	80	-	3.066.138	-	3.066.138	3.066.138	3.066.138	3.066.138	-	
49	83	-	3.702.151	-	3.702.151	3.702.151	3.702.151	3.702.151	-	
52	86	-	4.470.422	-	4.470.422	4.470.422	4.470.422	4.470.422	-	
55	89	-	5.398.456	-	5.398.456	5.398.456	5.398.456	5.398.456	-	
58	92	-	6.519.474	-	6.519.474	6.519.474	6.519.474	6.519.474	-	
61	95	-	7.873.607	-	7.873.607	7.873.607	7.873.607	7.873.607	-	
64	98	-	9.509.331	-	9.509.331	9.509.331	9.509.331	9.509.331	-	
65	99	-	10.126.941	-	10.126.941	10.126.941	10.126.941	10.126.941	-	
Tổng/Cộng dồn		119.072			10.126.941	10.126.941			60.000	300.000

4. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: ngàn đồng

Ghi chú:

(1) Mức lãi suất minh họa 5% (trung bình) và 6,5% (cao) không được đảm bảo và chỉ mang tính chất minh họa, trong đó mức 6,5% sẽ khả thi hơn khi tình hình lãi suất đầu tư của thị trường có chuyển biến tích cực trong tương lai. Mức lãi suất thực tế từ kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung được công bố có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức lãi suất minh họa nhưng sẽ không thấp hơn mức lãi suất cam kết quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2 - 10	11 - 15	16+
Lãi suất cam kết	4,5%	3%	2,5%	0,5%

(2) Giá trị tài khoản tích lũy thêm đã bao gồm khoản thưởng duy trì hợp đồng.

(3) Khoản thưởng duy trì hợp đồng được tự động cộng vào Giá trị tài khoản tích lũy thêm vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 10 và mỗi 3 năm sau đó nếu trong thời gian xét thưởng, Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ hàng năm, Bên mua bảo hiểm không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản và Bên mua bảo hiểm không giảm Số tiền bảo hiểm. Thời gian xét thưởng của Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng là từ năm hợp đồng thứ 6 đến năm hợp đồng thứ 10 và mỗi 3 năm kể từ năm hợp đồng thứ 11.

(4) Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút tiền bất kỳ lúc nào từ Năm hợp đồng thứ 1 đối với Giá trị tài khoản tích lũy thêm và từ Năm hợp đồng thứ 3 đối với Giá trị tài khoản cơ bản. (Các) khoản rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng sẽ được thực hiện theo thứ tự từ Giá trị tài khoản tích lũy thêm (nếu có) trước, sau đó đến Giá trị tài khoản cơ bản.

(5) Nếu Giá trị tài khoản hợp đồng sau khi trừ đi chi phí quản lý hợp đồng và các chi phí khác, nếu có, nhỏ hơn hoặc bằng 0, hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực ngoại trừ các điều kiện khác đã được quy định trong Quy tắc và Điều khoản hợp đồng. Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm trong vòng 24 tháng kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực.

5. THÔNG TIN VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO)

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
Dành cho Người được bảo hiểm chính: BỐ			
PRU-AN TÂM TRỌN ĐỜI	Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Giá trị nào lớn hơn giữa 1.000.000.000 và Giá trị tài khoản cơ bản cộng với Giá trị tài khoản tích lũy thêm	Nếu Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau sinh nhật lần thứ 80 của Người được bảo hiểm.
	Tử vong do Tai nạn	Nhận thêm 1.000.000.000	Nếu Người được bảo hiểm tử vong do tai nạn trong vòng 180 ngày kể từ ngày xảy ra Tai nạn và trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau sinh nhật lần thứ 65 của Người được bảo hiểm.
	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối	Nhận tạm ứng không tính lãi lên đến 50% Giá trị tài khoản hợp đồng nhưng không vượt quá 500.000.000 trong vòng 6 tháng	Trong thời gian tạm ứng, Giá trị tài khoản hợp đồng (GTTKHD) vẫn được giữ nguyên và tiếp tục được hưởng lãi suất trên 100% GTTKHD. Thời hạn tạm ứng tối đa là 6 tháng. Sau 6 tháng, nếu Người được bảo hiểm vẫn còn sống và Bên mua bảo hiểm chưa hoàn trả khoản tạm ứng cho Prudential, khoản tạm ứng này sẽ được khấu trừ từ GTTKHD. Số tiền bảo hiểm, trong trường hợp này, có thể sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng theo Quy tắc, Điều khoản Sản phẩm.

5. THÔNG TIN VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO) (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

SẢN PHẨM		SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
Dành cho Người được bảo hiểm chính: BỐ				
1	Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo từ giai đoạn đầu	Mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 1 (*)	100.000.000	Tổng quyền lợi bảo hiểm chi trả tối đa cho mỗi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu của tất cả các hợp đồng không vượt quá 500 triệu đồng.
		Mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 2 (*)	100.000.000	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 2 được chẩn đoán phải khác với Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần 1 đã được chấp thuận chi trả, dựa theo danh sách Bệnh hiểm nghèo được quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm này. Nếu một Tai nạn gây ra nhiều hơn một Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu, quyền lợi bảo hiểm được chi trả cho duy nhất một Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu.
		Mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau (*)	200.000.000	Nếu Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu đã chi trả trước đó cùng loại Bệnh hiểm nghèo với Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau được chẩn đoán (dựa theo danh sách Bệnh hiểm nghèo được quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm này), quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu đã chi trả sẽ được khấu trừ từ quyền lợi này. Nếu một Tai nạn gây ra nhiều hơn một Bệnh hiểm nghèo (bao gồm Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu và/hoặc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau), duy nhất một Bệnh hiểm nghèo có quyền lợi bảo hiểm cao nhất sẽ được chi trả.

5. THÔNG TIN VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO) (tiếp theo)

SẢN PHẨM		SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	GHI CHÚ
Dành cho Người được bảo hiểm chính: BỐ				
2	Bảo hiểm miễn đóng phí bệnh hiểm nghèo	Mắc Bệnh hiểm nghèo (*)	Miễn đóng phí trong tương lai cho toàn bộ hợp đồng cho đến hết Thời hạn hợp đồng của sản phẩm bảo trợ này (không bao gồm phí tích lũy thêm đối với các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư và phí bảo hiểm của sản phẩm bảo trợ PRU-HÀNHTRANGVUIKHỎE, nếu có).	
Dành cho Người được bảo hiểm bổ sung 1: MẸ				
3	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe	Nằm viện	400.000	Cho mỗi Ngày nằm viện; được chi trả tối đa 100 Ngày nằm viện cộng dồn trong một Năm hợp đồng; hoặc
		Nằm viện tại Khoa chăm sóc đặc biệt	800.000	Cho mỗi Ngày nằm viện tại Khoa chăm sóc đặc biệt; được chi trả tối đa 30 Ngày nằm viện cộng dồn trong một Năm hợp đồng
		Phẫu thuật	2.000.000	Cho một ca phẫu thuật
4	Bảo hiểm chết và tàn tật do tai nạn mở rộng	Bị tàn tật (theo mức độ tàn tật) hoặc bị phỏng nặng hoặc tử vong do tai nạn	200.000.000 (tối đa)	
		Tử vong do tai nạn khi đang là hành khách có mua vé trên xe buýt hoặc xe lửa	400.000.000 (tối đa)	
		Tử vong do tai nạn khi đang là hành khách có mua vé trên các chuyến bay thương mại	600.000.000 (tối đa)	

5. THÔNG TIN VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO) (tiếp theo)

SẢN PHẨM		SỰ KIỆN BẢO HIỂM		QUYỀN LỢI BẢO HIỂM		GHI CHÚ	
Dành cho Người được bảo hiểm bổ sung 1: MẸ							
5	Bảo hiểm miễn đóng phí		Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Miễn toàn bộ Phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính và (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ mua kèm đã ký kết, nếu có, (không bao gồm phí bảo hiểm tích lũy thêm của sản phẩm bảo hiểm chính thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, nếu có) kể từ kỳ phí kế tiếp sau khi Người được bảo hiểm miễn thu phí tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn cho đến hết Thời hạn hợp đồng của sản phẩm bảo hiểm bổ trợ này.		Các sản phẩm bổ trợ đính kèm phải thỏa điều kiện (i) có thời hạn đóng phí/thời hạn đóng phí còn lại từ 05 năm trở lên tại thời điểm tham gia sản phẩm Bảo hiểm miễn đóng phí; (ii) NDBH của các sản phẩm bổ trợ này khác với NDBH của sản phẩm Bảo hiểm miễn đóng phí.	
Dành cho Người được bảo hiểm bổ sung 2: CON TRAI							
6	Bảo hiểm nhân thọ có kỳ hạn (dành cho trẻ em)		Tử vong	200.000.000		Được chi trả thành 10 lần trong 10 năm	
			Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	200.000.000			

Ghi chú:

(*) Quyền lợi này chỉ được chi trả với điều kiện (i) Người được bảo hiểm vẫn còn sống ít nhất 14 ngày kể từ ngày bệnh được chẩn đoán xác định; (ii) các dấu hiệu hay triệu chứng của bệnh xuất hiện sau 90 ngày kể từ Ngày hiệu lực sản phẩm bảo hiểm bổ trợ hay Ngày khôi phục hiệu lực sản phẩm bảo hiểm bổ trợ gần nhất, tùy trường hợp nào xảy ra sau.

- Chi tiết về quyền lợi và điều khoản loại trừ của (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản sản phẩm. Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm này, theo chấp thuận của Bộ Tài chính, được công bố trên website của Prudential và Bộ Tài chính theo quy định hiện hành.
- Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm bằng cách gửi thông báo bằng văn bản đến Prudential trong vòng 21 (hai mươi một) ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng bảo hiểm theo quy định trong Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm.

CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CHÍNH

1. Loại trừ trường hợp tử vong

- Hành động tự tử, tự gây thương tích trong vòng 2 (hai) năm kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (nếu có), tùy thuộc ngày nào xảy ra sau. Đối với phần tăng thêm của Số tiền bảo hiểm (nếu có), loại trừ do nguyên nhân tự tử theo quy định tại Điều này sẽ được áp dụng trong vòng 24 tháng tính từ ngày có hiệu lực của việc tăng Số tiền bảo hiểm hoặc khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy ngày nào đến sau; hoặc
- Do hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người thụ hưởng đối với Người được bảo hiểm; hoặc
- Nhiễm HIV; bị AIDS và/hoặc những bệnh liên quan đến AIDS; hoặc
- Tử vong do bị thi hành án tử hình.

2. Loại trừ trường hợp thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

Tình trạng Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn của Người được bảo hiểm:

- Đã xảy ra trước Ngày hiệu lực hợp đồng, hoặc trước ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất; tùy ngày nào đến sau; hoặc
- Phát sinh từ:
 - Tự tử không thành dẫn đến Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hay tự gây thương tích của Người được bảo hiểm, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
 - Tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay dân dụng; hoặc
 - Hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm.

3. Loại trừ trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo

Prudential sẽ không chi trả các quyền lợi bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo nếu các dấu hiệu hay triệu chứng của bệnh xuất hiện:

- Trước Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy trường hợp nào xảy ra sau; hoặc
- Trong vòng 90 ngày kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hay Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy trường hợp nào xảy ra sau, cho dù chưa có chẩn đoán Bệnh hiểm nghèo (ngoại trừ trường hợp Bệnh hiểm nghèo là hậu quả của Tai nạn và Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo trong vòng 90 ngày kể từ ngày xảy ra Tai nạn).

4. Loại trừ trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối

Các dấu hiệu hay triệu chứng của Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối:

- Phát sinh từ:
 - Tự tử không thành hay tự gây thương tích của Người được bảo hiểm, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
 - Sử dụng trái phép chất ma túy, chất kích thích (ngoại trừ việc sử dụng các loại thuốc dựa trên đơn thuốc của bác sĩ có thẩm quyền); hoặc
- Xảy ra trên bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS.



5. Loại trừ trường hợp tai nạn

- a. Chiến tranh (có tuyên bố hay không tuyên bố), các hành động nổi loạn, rối loạn dân sự hoặc bạo động; hoặc
- b. Phạm tội (theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm; hoặc
- c. Tự tử, hoặc tự gây thương tích cho bản thân của Người được bảo hiểm dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
- d. Tham gia các hoạt động nguy hiểm của Người được bảo hiểm như lặn có bình khí nén, nhảy bungee, leo núi, đua xe dưới mọi hình thức, điều lượn, khinh khí cầu, nhảy dù; hoặc
- e. Bị tác động bởi việc sử dụng các chất gây nghiện, thuốc điều trị tâm thần, rượu, chất độc, khí ga, các hoạt chất tương tự hoặc ma túy, trừ trường hợp có chỉ định của Bác sĩ và việc ảnh hưởng này là nguyên nhân gây ra Tai nạn; hoặc
- f. Khiếm khuyết về thể chất hay tinh thần hoặc tình trạng yếu sức khỏe đã tồn tại trước ngày bắt đầu bảo hiểm hay trước ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng; hoặc
- g. Bất kỳ sự kiện nào làm phát sinh yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm do hành động cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm.

6. Loại trừ của bảo hiểm chăm sóc sức khỏe

- a. Loại trừ Tình trạng tồn tại trước:

Prudential sẽ không chi trả bất cứ quyền lợi bảo hiểm nào cho sản phẩm bảo hiểm bổ trợ này nếu Người được bảo hiểm Nằm viện hay trải qua Phẫu thuật vì Tình trạng tồn tại trước như quy định tại Quy tắc, Điều khoản.

- b. Loại trừ khi sự kiện bảo hiểm phát sinh trong Thời hạn loại trừ:

Prudential sẽ không chi trả bất cứ quyền lợi nào cho sản phẩm bảo hiểm bổ trợ này nếu Người được bảo hiểm phải Nằm viện hay trải qua Phẫu thuật trong Thời hạn loại trừ được quy định tại Quy tắc, Điều khoản.

LƯU Ý: Các điều khoản loại trừ trên đây chỉ mang tính chất tham khảo. Chi tiết về Điều khoản loại trừ được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm.



CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN KHÁC CỦA BẢN QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN SẢN PHẨM BẢO HIỂM

1. kê khai chính xác các thông tin cần thiết

Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm có trách nhiệm kê khai đầy đủ, chính xác và trung thực tất cả các thông tin cần thiết để Prudential đánh giá khả năng chấp nhận bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm này. Việc thẩm định sức khỏe, nếu có, không thay thế cho nghĩa vụ kê khai trung thực của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm theo quy định tại điều này. Nếu vi phạm nghĩa vụ trên, tùy từng trường hợp, Prudential sẽ có quyền không chịu trách nhiệm bảo hiểm hoặc hoặc chấp thuận bảo hiểm có điều kiện hoặc vẫn chấp thuận bảo hiểm.

2. Thời hạn cân nhắc

Trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng bảo hiểm và với điều kiện là chưa xảy ra sự kiện bảo hiểm hoặc chưa có yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nào, Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm bằng cách gửi thông báo bằng văn bản đến Prudential. Khi đó, Prudential sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm: (tổng) Phí bảo hiểm ban đầu đã đóng của Hợp đồng bảo hiểm không có lãi; trừ đi các chi phí xét nghiệm y khoa, nếu có.

3. Bảo đảm hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm

Trong 02 (hai) năm hợp đồng đầu tiên, Hợp đồng bảo hiểm sẽ được đảm bảo duy trì hiệu lực với điều kiện Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm cơ bản của 2 Năm hợp đồng đầu tiên.

4. Mất hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực khi (i) Giá trị quỹ/Giá trị tài khoản của hợp đồng không đủ để trả Phí bảo hiểm rủi ro và/ hoặc Phí quản lý hợp đồng,; hoặc (ii) khi hết thời gian gia hạn nộp phí bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm vẫn không nộp đủ Phí bảo hiểm cơ bản đến hạn, nếu Hợp đồng bảo hiểm đang ở trong 05 (năm) Năm hợp đồng đầu tiên.

LƯU Ý: Các điều khoản trên đây chỉ mang tính chất tham khảo. Chi tiết về các Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm.



Ghi chú:

- Bảng minh họa quyền lợi sản phẩm này dựa trên giả định:
 - Phí bảo hiểm đóng theo định kỳ năm.
 - Phí bảo hiểm minh họa trên đây được đóng đầy đủ và không có giao dịch nào làm thay đổi Giá trị tài khoản hợp đồng.
 - (Các) Người được bảo hiểm có sức khỏe bình thường theo tiêu chuẩn của Prudential.
- Chi phí quản lý hợp đồng đã được khấu trừ khi minh họa Giá trị tài khoản hợp đồng.
- Để biết thêm chi tiết về quyền lợi của sản phẩm, vui lòng tham khảo Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm.

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN VIÊN	XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM
• Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã phân tích nhu cầu tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của khách hàng có tên nêu trên một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng. • Tôi xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Bảng minh họa này cũng như nội dung của Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm.	• Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã được Tư vấn viên có tên nêu trên phân tích về nhu cầu tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của tôi một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng. Tôi có khả năng tài chính để đóng phí bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm này. • Tôi xác nhận đã đọc kỹ và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Bảng minh họa này cũng như nội dung của Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm. Tôi đã hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của tôi khi tham gia sản phẩm bảo hiểm này. • Tôi hiểu Giá trị tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung, phí bảo hiểm thực đóng, các khoản thưởng duy trì hợp đồng và số tiền rút ra thực tế từ Giá trị tài khoản hợp đồng, nên Giá trị tài khoản hợp đồng có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Bảng minh họa này. • Tôi hiểu Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực nếu Phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ theo định kỳ trong vòng 5 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc Giá trị tài khoản hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 0. • Tôi đồng ý tham gia (các) sản phẩm bảo hiểm này với chi tiết được trình bày và cam kết sẽ thực hiện các nghĩa vụ của Hợp đồng bảo hiểm.
Chữ ký: _____ Họ và tên: NBUW TEST AGENCY Mã số Tư vấn viên: 88888887 Ngày: ____/____/____	Chữ ký: _____ Họ và tên: Bố Ngày: ____/____/____
BẢNG MINH HỌA NÀY LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VÀ CHỈ CÓ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ KHI CÓ ĐẦY ĐỦ SỐ TRANG VÀ CHỮ KÝ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM	